

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2020

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nhữ Văn Vinh và bà Lã Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1993.

HKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Vũ Đình T - sinh năm 1993.

HKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, Bộ Công an (tại thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa).

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Đình T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 12/3/2013 tại UBND xã T huyện B, tỉnh H.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng bà ngoại anh T tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T mãi chơi, sống không có trách nhiệm với

gia đình, sa vào tệ nạn xã hội dẫn đến phạm tội, nhiều lần phải đi chấp hành hình phạt tù. Vì thương con, chị nhẫn nhịn chịu đựng, nhiều lần tha thứ, động viên anh T tránh xa bạn bè xấu, tập trung lao động, phát triển kinh tế gia đình để nuôi dạy con chung nhưng mọi sự cố gắng của chị đều không có hiệu quả. Năm 2019, anh T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh Phong- Bộ Công an. Do không còn khả năng níu kéo cuộc hôn nhân cùng anh T nên chị đã cho các con về gia đình bố mẹ để ở từ tháng 5/2020 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm, lòng tin với anh T, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị và anh T có hai con chung là Vũ Phương T, sinh ngày 08/10/2013 và Vũ Hải Đ, sinh ngày 11/7/2018. Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh T đang tập trung cải tạo, anh cũng không có khả năng, điều kiện để nuôi, dạy các con. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung. Hiện chị đang làm công nhân trong khu công nghiệp P, C; thu nhập bình quân từ 8.000.000 đồng – 10.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra chị còn bán hàng online để kiếm thêm thu nhập.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn- anh Vũ Đình T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị H trình bày là đúng.

Anh xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phải chấp hành hình phạt tù nên chị H xin ly hôn anh. Trong thời gian anh chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Phong, chị H không lần nào đến thăm và động viên anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị H xin ly hôn anh nhất trí.

Anh và chị H có hai con chung Vũ Phương T, sinh ngày 08/10/2013 và Vũ Hải Đ, sinh ngày 11/7/2018. Anh đang chấp hành hình phạt tù tại trạm giam Thanh Phong, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con nên anh nhất trí để chị H nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản chung, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong – Bộ Công an nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký, của các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Đình T.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Vũ Phương T, sinh ngày 08/10/2013 và Vũ Hải Đ, sinh ngày 11/7/2018 (hiện đang ở cùng chị H) đến khi mỗi con chung trưởng thành, 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đình T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, do anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Phong- Bộ Công an, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Đình T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh H ngày 12/3/2013, là hôn nhân hợp pháp.

Chị H, anh T đều thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình mà chơi bời, sa vào tệ nạn xã hội, nhiều lần phải chấp hành hình phạt tù. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hôn nhân không thể hàn gắn, níu kéo. Chị H xin ly hôn, anh T nhất trí.

Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên xử cho chị H được ly hôn anh T phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H, anh T có hai con chung là Vũ Phương T, sinh ngày 08/10/2013 và Vũ Hải Đ, sinh ngày 11/7/2018 (hiện đang ở cùng chị H). Chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T nhất trí.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện: Anh T đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong- Bộ Công an, không có khả năng, điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị H có việc làm, thu nhập ổn định, bố- mẹ đẻ chị sẵn sàng hỗ trợ chị trong việc chăm sóc các con; thời gian vừa qua, anh T tập trung cải tạo, các con chung được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo, đảm bảo phát triển toàn diện. Vì vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao hai con chung Vũ Phương T và Vũ Hải Đ cho chị H nuôi dưỡng; chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi, chị cam kết đảm bảo cuộc sống của các con chung. Đây là sự tự nguyện của chị

không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản, công sức: Chị H, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Đình T.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Vũ Phương T, sinh ngày 08/10/2013 và Vũ Hải Đ, sinh ngày 11/7/2018 (hiện đang ở cùng chị H) đến khi mỗi con chung trưởng thành, 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về quan hệ tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009456 ngày 10/6/2020.

5- Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyền